

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 371 /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.
- Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là công dân Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam là cơ quan, tổ chức nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, gồm:

a) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc, tổ chức quốc tế liên Chính phủ, các tổ chức khu vực, tiểu khu vực;

b) Văn phòng đại diện tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài;

c) Văn phòng thường trú cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình nước ngoài;

d) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là người nước ngoài làm việc tại các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này có hoạt động sử dụng người lao động Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động và pháp luật có liên quan khác của Việt Nam.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hiệu quả tại Việt Nam.

Điều 5. Thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này là các cơ quan, tổ chức được Bộ Ngoại giao phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện quản lý người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Chương II

TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 6. Tuyển dụng người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó nêu rõ vị trí việc làm, số lượng cần tuyển dụng. Đồng thời, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện đăng tải công khai thông tin tuyển dụng người lao động Việt Nam trên Sàn giao dịch việc làm quốc gia (địa chỉ: <https://www.vieclam.gov.vn>) hoặc cổng thông tin việc làm hợp pháp khác hoặc trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tuyển dụng người lao động Việt Nam hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ việc tuyển dụng người lao động Việt Nam.

3. Khi có đề nghị từ tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này thực hiện việc tuyển chọn, giới thiệu ứng viên theo mô tả công việc đã được cung cấp.

Điều 7. Quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân, vị trí việc làm và thời điểm bắt đầu làm việc của người lao động Việt Nam được tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người lao động Việt Nam có trách nhiệm nộp hồ sơ quản lý người lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ thông báo của tổ chức, cá nhân nước ngoài và hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này gửi thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận quản lý người lao động Việt Nam.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó nêu lý do chấm dứt.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này:

a) Gửi văn bản xác nhận trực tiếp hoặc trực tuyến về việc chấm dứt quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Hoàn trả hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam cho người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Phiếu thông tin cá nhân của người lao động Việt Nam theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Tiếp nhận đề nghị hỗ trợ việc tuyển dụng người lao động Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển của người lao động Việt Nam theo yêu cầu tuyển dụng của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tuyển chọn, giới thiệu người lao động Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Tiếp nhận hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam và thực hiện quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Tổ chức chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định

của pháp luật; cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước và bổ sung thông tin vào hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam.

4. Tham gia hỗ trợ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

5. Hỗ trợ tư vấn cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam về việc sử dụng người lao động Việt Nam.

6. Hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự của người lao động Việt Nam trong thời gian làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trên cơ sở hồ sơ quản lý người lao động quy định tại Điều 8 Nghị định này.

7. Định kỳ báo cáo Bộ Ngoại giao trước ngày 20 tháng 12 hằng năm về tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam

1. Tuân thủ quy định tại Nghị định này, pháp luật về lao động và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký kết với người lao động Việt Nam.

3. Tạo điều kiện để người lao động Việt Nam:

a) Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ quản lý người lao động và thực hiện quy định về quản lý người lao động tại cơ quan, tổ chức quản lý theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này;

b) Tham gia chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước do cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này tổ chức trong quá trình người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động, thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này về việc sử dụng dịch vụ cho thuê lại lao động theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Được tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự trên cơ sở hồ sơ quản lý người lao động quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Tuân thủ pháp luật của Việt Nam về lao động, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Có trách nhiệm hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước trong vòng 06 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

6. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

7. Thực hiện đúng quy định về quản lý người lao động và hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.

8. Cập nhật hồ sơ quản lý người lao động và gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý khi có bất kỳ thay đổi nào về thông tin cá nhân hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan, tổ chức quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp cho thuê lại lao động làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo tình hình cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại

Việt Nam bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, gửi danh sách người lao động Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuê lại bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

2. Nội dung về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực: kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật nước ngoài được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

a) Giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam từ trung ương đến địa phương;

b) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và báo cáo đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền;

c) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết về nội dung, thời gian, hình thức của chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;

d) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

a) Phối hợp báo cáo về người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi có yêu cầu;

b) Hướng dẫn việc thực hiện quy định của pháp luật về chính sách, việc làm, lao động, tiền lương và các nội dung khác có liên quan đến người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về quốc phòng.

4. Trách nhiệm của Bộ Công an

a) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động Việt Nam và doanh nghiệp cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định liên quan đến tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam nhằm phòng ngừa việc lợi dụng quan hệ lao động để thực hiện hành vi xâm phạm lợi ích, an ninh quốc gia hoặc hoạt động ngoài phạm vi được cấp phép.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

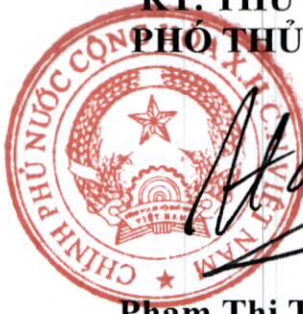
Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có thẩm quyền trong công tác tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam ở địa phương.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

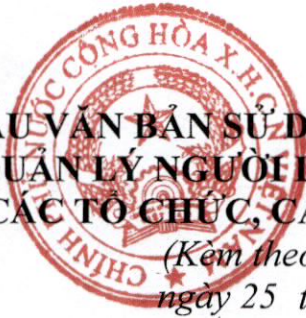
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). 14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà



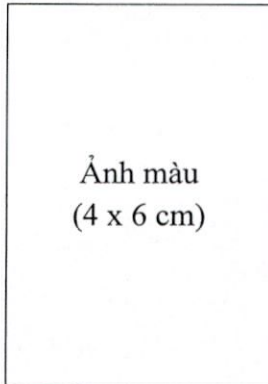
Phụ lục

**MẪU VẤN BẢN SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG,
QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO
CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

(Kèm theo Nghị định số 371 /2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phiếu thông tin cá nhân của người lao động Việt Nam
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 04	Phiếu thông tin tình hình sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
Mẫu số 05	Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam
Mẫu số 06	Báo cáo tình hình cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 07	Danh sách người lao động Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuê lại

Tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam:
 Tổ chức sử dụng người lao động Việt Nam:
 Mã số hồ sơ cá nhân:



PHIẾU THÔNG TIN CÁ NHÂN

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
- 2) Các tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày: tháng năm Giới tính:
- 4) Nơi sinh:
- 5) Quê quán: (xã, phường, đặc khu)
(tỉnh, thành phố):
- 6) Dân tộc:
- 7) Tôn giáo:
- 8) Số định danh cá nhân
- 9) SĐT liên hệ: Email:
- Khi cần báo tin cho ai, ở đâu:
- 10) Mã số BHXH (nếu có):
- 11) Nơi ở hiện nay:
- 12) Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng:
- 13) Tổ chức tuyển dụng:
- 14) Chức vụ hiện tại:
- 15) Công việc chính được giao:
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../..... Ngày chính thức:/...../.....
- 17) Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
- 18) Trình độ chuyên môn cao nhất:
- 19) Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc:

20) QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Văn bằng, trình độ
Từ	Đến				

21) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC

Tháng/năm		Tên tổ chức tuyển dụng	Chức danh/ Chức vụ
Từ	Đến		

22) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

22.1- Khai rõ: bị bắt, bị tù (*từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?*), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? (nếu có)

.....

22.2- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội... ở nước ngoài

Tháng/năm		Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở, công việc đã làm
Từ	Đến	

23) KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

23.1- Khen thưởng:

23.2- Kỷ luật:

24) QUAN HỆ GIA ĐÌNH (Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ/chồng, các con, anh chị em ruột)

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội (trong, ngoài nước); tiền án, tiền sự (nếu có)

Tôi xin cam đoan nội dung tôi khai ở trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ
(LOGO CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ)

GIẤY CHỨNG NHẬN
Số chứng nhận:

Cấp cho Ông/Bà:

Đơn vị:

Đã hoàn thành chương trình:
TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
CỦA NHÀ NƯỚC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Tổ chức tại:

Ngày:

....., ngày tháng năm

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN/
TỔ CHỨC BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM¹

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TRONG NĂM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số lao động đã tuyển dụng	Loại hợp đồng lao động	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
...				
...				

II. TÌNH HÌNH TUYỂN CHỌN, GIỚI THIỆU NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG NĂM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số lượt ứng viên đã tuyển chọn, giới thiệu	Số ứng viên trúng tuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
...				
...				

¹Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

**III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC
CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số người lao động Việt Nam	Biến động trong kỳ báo cáo		Số người lao động Việt Nam đã được quản lý	Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động	
			Tăng	Giảm		Có gửi	Không gửi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
...							
...							
	Tổng số						

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(nếu có)*

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC...
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI...
NAME OF FOREIGN ORGANISATION/INDIVIDUAL

..., ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...

PHIẾU THÔNG TIN
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA
DOANH NGHIỆP CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG¹
INFORMATION ON LABOUR LEASING ENTERPRISES

STT No.	Tên doanh nghiệp cho thuê lại lao động Name of enterprise	Địa chỉ, điện thoại liên hệ Address, telephone	Số lao động Việt Nam đang sử dụng thông qua doanh nghiệp Number of Vietnamese employees supplied by the mentioned enterprise	Thời gian sử dụng dịch vụ cho thuê lại lao động Duration of supplied service	Ghi chú Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
...					
...					
Tổng số Total					

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)
FOR THE FOREIGN ORGANISATION/INDIVIDUAL
 (signed and sealed)

¹Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo
 /The period for data cut-off for annual reports shall be counted from December 15 of the year preceding the reporting period to December 14 of the reporting period.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI...
NAME OF FOREIGN ORGANISATION/ INDIVIDUAL

..., ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...

PHIẾU THÔNG TIN
TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
 (Tính từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm)¹

INFORMATION ON RECRUITMENT AND EMPLOYMENT OF
VIETNAMESE EMPLOYEES
 (from/...../..... to/...../.....)

I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG
NĂM... /INFORMATION ON RECRUITMENT OF VIETNAMESE EMPLOYEES IN
THE YEAR OF...

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh DOB	Trình độ chuyên môn Qualifications	Vị trí việc làm Position	Thời điểm bắt đầu làm việc Start date	Thời điểm kết thúc làm việc End date	Loại hợp đồng lao động Type of labour contract
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐANG LÀM VIỆC
CHO... /LIST OF VIETNAMESE EMPLOYEES WORKING FOR...

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh DOB	Trình độ chuyên môn Qualifications	Vị trí việc làm Position	Số điện thoại Cell phone number	Ghi chú Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo/
 The period for data cut-off for annual reports shall be counted from December 15 of the year preceding the
 reporting period to December 14 of the reporting period.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT/RECOMMENDATIONS

1. Với tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam/*To the authority*
2. Về người lao động Việt Nam/*About the Vietnamese employees*
3. Các vấn đề khác/*Others*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)
FOR THE FOREIGN ORGANISATION/INDIVIDUAL
(signed and sealed)

**TÊN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM¹**

Kính gửi:

**I. TÌNH HÌNH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TRONG NĂM...**

STT	Tên người lao động	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Vị trí	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Mẫu số 07

**TÊN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐƯỢC TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM THUÊ LẠI**

Kính gửi:

STT	Tên người lao động	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Vị trí	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động	Ngày cho thuê lại lao động	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)